

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2022/DS-ST
Ngày 22-02-2022
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Tiến.

Bà Phạm Kim Luyện.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Tú Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn tham gia phiên tòa:
Bà Huỳnh Thị Thúy Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 93/2021/TLST-DS ngày 04 tháng 6 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2021/QĐXXST – DS ngày 29 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N.

Địa chỉ: Số A, đường LH, phường TC, quận BĐ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng N tham gia tố tụng: Ông Lê Tấn N – Trưởng phòng kế hoạch – kinh doanh Ngân hàng N chi nhánh huyện Năm Căn. Địa chỉ: Khóm A, thị trấn NC, huyện NC, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Bị đơn: Ông Trần Cao T, sinh năm 1966 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã ĐM, huyện NC, tỉnh Cà Mau;

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

+ Bà Lê Thị V, sinh năm 1963 (có mặt).

Địa chỉ: ấp ĐC, xã TT, huyện CN, tỉnh Cà Mau.

+ Ông Lê Văn M, sinh năm 1959 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp MH, xã TT, huyện CN, tỉnh Cà Mau.

+ Chị Lê Hồng H (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp TH, xã HR, huyện NC, tỉnh Cà Mau.

+ Anh Lê Hồng T (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp MH, xã TT, huyện CN, tỉnh Cà Mau.

+ Anh Lê Hồng S (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp MH, xã TT, huyện CN, tỉnh Cà Mau.

+ Anh Lê Hồng P (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp TH, xã HR, huyện NC, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn Ngân hàng N và người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Ngày 11/3/2020 Ngân hàng N - Chi nhánh huyện Năm Căn ký kết hợp đồng tín dụng số 7509-LAV – 202000996 với ông Trần Cao T, cụ thể: Tổng mức cấp tín dụng tối đa 300.000.000 đồng; lãi suất cho vay theo từng giấy nhận nợ; mục đích vay mua bán nhỏ; thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng 36 tháng, kể từ ngày ký kết hợp đồng tín dụng; phương thức cho vay theo hạn mức tín dụng.

Để đảm bảo hợp đồng trên, Ngân hàng N - Chi nhánh huyện Năm Căn và ông Trần Cao T ký kết 02 hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người khác, cụ thể:

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số LH – 22/2014 ngày 19/6/2014. Quyền sử dụng đất số BL571810 do UBND huyện Cái Nước cấp ngày 05/12/2012, diện tích 79m², thửa 177, tờ bản đồ số 22 do bà Lê Thị V đứng tên, đất tọa lạc ấp Đầm Cùng, xã Trần Thới, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau. Tổng giá trị tài sản thế chấp 158.000.000 đồng, bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ 118.500.000 đồng và lãi phát sinh.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số LH – 26/2014 ngày 24/6/2014. Quyền sử dụng đất số BN989246 do UBND huyện Cái Nước cấp ngày 19/3/2013, diện tích 12.196m², thửa 275, tờ bản đồ số 11 do ông Lê Văn M và bà Võ Thị Y đứng tên, đất tọa lạc ấp Mỹ Hòa, xã Trần Thới, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau. Tổng giá trị tài sản thế chấp 243.920.000 đồng, bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ 182.900.000 đồng và lãi phát sinh.

Tính đến ngày 24/5/2021 tổng dư nợ của ông Trần Cao T tạm tính là 273.814.204 đồng, trong đó nợ gốc 257.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn 15.233.040 đồng và lãi quá hạn 1.581.164 đồng. Số tiền quá hạn thanh toán thời gian dài, Ngân hàng N - Chi nhánh huyện Năm Căn liên hệ ông T để thanh toán số nợ trên nhưng ông T không thực hiện việc trả nợ.

Nay Ngân hàng N yêu cầu ông Trần Cao T thanh toán toàn bộ số tiền vay tạm tính đến hết ngày 21/02/2022 là 294.110.123 đồng (Trong đó nợ gốc 257.000.000 đồng và nợ lãi trong hạn 30.585.603 đồng, nợ lãi quá hạn 6.524.520

đồng) và lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày Tòa án ra bản án/quyết định cho đến khi ông T trả hết nợ gốc cho nguyên đơn.

Trường hợp ông T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán thì yêu cầu được xử lý tài sản đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất đã ký kết với Ngân hàng để đảm bảo thu hồi nợ vay gốc và các khoản lãi suất phát sinh cho Ngân hàng.

- *Bị đơn ông Trần Cao T trình bày:* Ông thừa nhận có ký kết hợp đồng tín dụng, 02 hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, số tiền nợ gốc và lãi như nguyên đơn trình bày trên là đúng. Tuy nhiên, trước đây ông có làm ăn chung với bà Lê Thị V, nên bà V nhờ ông đứng tên vay dùm để đảo hạn và trả nợ cho Ngân hàng bên huyện Cái Nước do bà V đứng tên vay. Sau khi vay bà V là người thực hiện việc thanh toán vốn và lãi cho Ngân hàng. Nay trong vụ án này ông chỉ đứng tên vay dùm nên không có ý kiến gì.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị V trình bày:* Lời trình bày trên của nguyên đơn về hợp đồng tín dụng, 02 hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, số tiền vay, số tiền nợ gốc và lãi là đúng. Việc ông T trình bày cũng đúng sự thật. Bà có nhờ ông T đứng tên vay dùm số tiền như nguyên đơn kiện ông T.

Đối với phần đất thế chấp cho Ngân hàng thửa 177, diện tích 79m² tọa lạc ấp Đàm Cùng, xã Trần Thới, huyện Cái Nước do bà đứng tên hiện bỏ trống, không ai quản lý, không xây dựng công trình kiến trúc gì trên đất. Đối với phần đất thế chấp thứ hai là của ông M (anh ruột bà) và bà Võ Thị Y đứng tên thửa 275, diện tích 12.196m² tọa lạc ấp Mỹ Hòa, xã Trần Thới, huyện Cái Nước.

Nay Ngân hàng N kiện bà đồng ý thanh toán tiền vốn lãi toàn bộ cho Ngân hàng nhưng xin trả dần.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn M trình bày:* Đối với phần đất thế chấp cho Ngân hàng do ông và bà Võ Thị Y đứng tên quyền sử dụng, bà Y chết năm 2015. Ông và bà Y có 04 người con gồm: Lê Hồng H, Lê Hồng T, Lê Hồng S, Lê Hồng P. Phần đất này hiện ông M đang quản lý, sử dụng đúng hiện trạng.

- Ý kiến của Viện kiểm sát:

+ Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa là đúng quy định pháp luật về thủ tục tố tụng giải quyết vụ án dân sự.

+ Về nội dung đề xuất: Qua xem xét lời trình bày của các đương sự và các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, Đại diện viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng tiền vốn vay và lãi suất tổng cộng là 294.110.123 đồng (Trong đó nợ gốc 257.000.000 đồng và nợ lãi trong hạn 30.585.603 đồng, nợ lãi quá hạn 6.524.520 đồng) tạm tính đến ngày 21/02/2022. Trong trường hợp ông T không

thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán thì xử lý tài sản thế chấp đã ký kết với Ngân hàng để đảm bảo thu hồi nợ vay gốc và các khoản lãi suất phát sinh. Án phí bị đơn chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Ngân hàng Nông nghiệp N khởi kiện ông T thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết và bị đơn có địa chỉ tại huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau. Đây là tranh chấp phát sinh trong hợp đồng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về người tham gia tố tụng: Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn M, chị Lê Hồng H, anh Lê Hồng T, anh Lê Hồng S, anh Lê Hồng P được Tòa án tổng đạt hợp lệ đến lần thứ 02 để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ vào hợp đồng tín dụng được lập giữa các bên đã có đủ căn cứ xác định: Ngày 11/3/2020 Ngân hàng N - Chi nhánh huyện Năm Căn ký kết hợp đồng tín dụng số 7509-LAV-202000996 với ông Trần Cao T, tổng mức cấp tín dụng tối đa 300.000.000 đồng; lãi suất cho vay có điều chỉnh, theo từng giấy nhận nợ; mục đích vay mua bán nhỏ; thời gian duy trì hạn mức 03 năm, kể từ ngày ký kết hợp đồng tín dụng; thời hạn cho vay và kỳ hạn nợ theo từng giấy nhận nợ. Để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ theo 02 hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số LH – 22/2014 ngày 19/6/2014 và số LH – 26/2014 ngày 24/6/2014, đã giải ngân theo 02 báo cáo đề xuất giải ngân kèm giấy nhận nợ ngày 11/3/2020 có số tiền gốc 257.000.000 đồng.

Việc thỏa thuận, ký kết hợp đồng, khế ước nhận nợ là có thật, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đúng quy định của pháp luật nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên, nhưng từ ngày vay đến nay ông T thực hiện không đúng việc trả nợ gốc và lãi khi đến hạn như đã cam kết trong Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay.

Do đó, nguyên đơn xác nhận hiện nay bị đơn còn nợ theo Hợp đồng tín dụng 257.000.000 đồng tiền gốc. Bị đơn chấp nhận còn nợ lại nguyên đơn số tiền nêu trên đúng như nội dung nguyên đơn khởi kiện. Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu đòi nợ gốc của nguyên đơn.

[3] Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu của ông T và bà V yêu cầu cho bà Lê Thị V được thanh toán nợ, bởi ông T là người ký kết hợp đồng tín dụng, được giải ngân số tiền nợ gốc 257.000.000 đồng, nên ông T có trách nhiệm thanh

toán nợ cho nguyên đơn là có căn cứ. Việc ông T nhận tiền vay của nguyên đơn, sau đó về đưa cho bà Lê Thị V là quan hệ pháp luật dân sự khác, không liên quan đến việc nguyên đơn khởi kiện ông T. Nếu giữa ông T và bà V không thỏa thuận được với nhau thì có quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác.

[4] Đối với yêu cầu đòi tiền lãi: Xét yêu cầu của nguyên đơn về số tiền lãi bị đơn phải trả tính đến ngày 21/02/2022 gồm lãi trong hạn 30.585.603 đồng, nợ lãi quá hạn 6.524.520 đồng là phù hợp với sự thỏa thuận giữa các bên trong Hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ đã ký nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[5] Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm: hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số LH – 22/2014 ngày 19/6/2014 giữa nguyên đơn với bà Lê Thị V và số LH – 26/2014 ngày 24/6/2014 giữa nguyên đơn với ông Lê Văn M, bà Võ Thị Y được chứng thực đúng quy định về tài sản thế chấp nên được công nhận. Căn cứ vào Hợp đồng thế chấp trên cùng với ý kiến của nguyên đơn, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, trong trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán hoặc thực hiện nghĩa vụ thanh toán không đầy đủ, nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do bà Lê Thị V; ông Lê Văn M và bà Võ Thị Y đứng tên quyền sở hữu.

[6] Quan điểm của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật số tiền 14.705.506 đồng (294.110.123 đồng x 5%) và 1.000.000 đồng tiền chi phí tố tụng. Nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng nên được hoàn lại số tiền tạm ứng đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 91 và khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 342, Điều 351, Điều 355, Điều 715, Điều 721 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 280, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N: Buộc ông Trần Cao T phải thanh toán cho Ngân hàng N toàn bộ nợ gốc và lãi là 294.110.123 đồng tính đến ngày 21/02/2022. Trong đó bao gồm nợ gốc 257.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 30.585.603 đồng, nợ lãi quá hạn: 6.524.520 đồng.

Ngoài khoản tiền nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn, phí mà khách hàng vay phải thanh toán cho bên cho vay theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày ban hành bản án, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày ban hành bản án khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo bản án của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp ông Trần Cao T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán thì Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp gồm:

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa 275, tờ bản đồ số 11, diện tích 12.196m² tọa lạc ấp Mỹ Hòa, xã Trần Thới, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau do ông Lê Văn M và bà Võ Thị Y đứng tên giấy chứng nhận được UBND huyện Cái Nước cấp ngày 19/3/2013; 01 căn nhà cấp 4 và 01 công xi măng xây dựng trên đất;

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa 177, tờ bản đồ số 22, diện tích 79m² tọa lạc ấp Đàm Cùng, xã Trần Thới, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau do bà Lê Thị V đứng tên giấy chứng nhận được UBND huyện Cái Nước cấp ngày 05/12/2012;

2. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc ông Trần Cao T phải có nghĩa vụ giao trả lại cho Ngân hàng N số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

Kể từ ngày Ngân hàng N có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông Trần Cao T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Cao T phải chịu án phí là 14.705.500 đồng.

Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí 6.845.000 đồng cho Ngân hàng N theo biên lai thu tiền số 0007708 ngày 04/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- CCTHADS huyện Năm Căn;
- Đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Trần Quốc Kiên